TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST- KDTM	*Phú Riềng, ngày 06 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam, địa chỉ: số 2, phường L, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N Việt Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Thế L – CV Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh P.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn T- CV Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh P. Nơi làm việc Ngân hàng N Việt Nam, Chi nhánh P, theo giấy ủy quyền ngày 09/4/2018.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968 và bà Võ Thị M, sinh năm 1967, cùng địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về số nợ:*

Tính đến ngày 29/5/2018 ông Nguyễn Văn L còn nợ của Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh P (theo hợp đồng tín dụng số HĐ:243/HĐTD ngày 20/01/2017) số tiền như sau:

- Nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn là: 117.531.667 đồng;
- Nợ lãi quá hạn 18.520.833 đồng

Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/5/2018 là: 1.636.062.500đ (Một tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng);

Thời hạn trả nợ: Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Quá thời hạn trên nếu ông Nguyễn Văn L không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh P thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 643290 (số vào sổ: CH 00103/CN+CMĐ) ngày 19/01/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp cho Nguyễn Văn L và Võ Thị M thửa số 115a, tờ bản đồ số 26, diện tích 910m^2 tọa lạc tại thôn H, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền còn lại thu được vượt quá nghĩa vụ thi hành án của ông Nguyễn Văn L thì phần dư được trả lại cho ông ông Nguyễn Văn L, bà Võ Thị M. Nếu thiếu ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra ông Nguyễn Văn L còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số nợ chậm thi hành tính từ ngày 29/5/2018 cho đến khi thi hành án xong.

** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

- Các đương sự thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Văn L phải chịu theo quy định pháp luật là 30.541.000đ (Ba mươi triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

- Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N, chi nhánh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.212.000đ (bằng chữ: Ba mươi hai triệu hai trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026375 ngày 18/4/2018.

** Chi phí xem xét thẩm định tài sản:* Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Văn L phải chịu theo quy định pháp luật đối với số tiền chi phí xem xét, thẩm định là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Buộc ông Nguyễn Văn L hoàn trả cho Ngân hàng N Việt Nam, chi nhánh P số tiền chi phí xem xét, thẩm định là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh BP; huyện Phú Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Văn Phán